TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2023/DS-PT
Ngày 24 - 8 - 2023
Về việc tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2276/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 2526/2023/QĐPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thiện N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. (Ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 23/8/2023)

Địa chỉ: Số C ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ Quốc C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Châu T, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường N, khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971; (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970; (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 07/4/2022 ông Nguyễn Thiện N có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 267,9 m^2 thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ vợ chồng ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H với giá 600.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C1 công chứng theo số 2713 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/4/2022. Ngày 10/5/2022 ông N được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D296198 đối với phần đất trên. Sau khi ký chuyển nhượng phần đất trên qua cho ông, vợ chồng ông C bà H xin lưu cư lại phần đất trên và trả tiền lưu cư mỗi tháng 24.000.000 đồng. Tuy nhiên ông C bà H không thanh toán tiền hàng tháng cho ông N, ông N yêu cầu ông C, bà H giao đất cho ông nhưng ông C bà H không chịu bàn giao mà trốn tránh nghĩa vụ. Ông N đã giao đầy đủ số tiền 600.000.000 đồng những ông C bà H không thực hiện nghĩa vụ bàn giao đất đã vi phạm Điều 3 theo nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 07/04/2022 giữa ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H đối với phần đất thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre được công chứng số 2713 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1; yêu cầu ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thiện N số tiền 600.000.000 đồng. Ông N không yêu cầu

bồi thường thiệt hại, không yêu cầu đo đạc, định giá thửa đất số 504 tờ 19 tọa lạc tại xã T, C, Bến Tre.

Bị đơn ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C và bà H, ông H1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông C và bà H, ông H1 đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào ngày 30/11/2021 bà và chồng bà có vay của ông Thạch Q1 200.000.000 đồng, thời hạn vay 04 năm mỗi tháng trả lãi 6.000.000 đồng. Bà và chồng bà có ra Văn phòng công chứng Ngọc H2 ký hợp đồng vay, bà và chồng bà không biết chữ, ký hợp đồng vay nhưng sau này mới biết đó là hợp đồng ủy quyền. Do không biết chữ vợ chồng bà đã ký ủy quyền ngày 30/11/2021 chứ thực tế là bà ký giấy vay tiền. Vợ chồng bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T cho ông Q1 giữ. Mỗi tháng từ tháng 12/2021 ông Q1 đến nhà bà thu lãi. Bà đã đóng lãi cho ông Q1 từ tháng 12/2021 đến tháng 4/2022 là 24.000.000 đồng. Trong thời gian ông Q1 lên nhận lãi ông Q1 đã tự ý sang tên đất qua cho ông Q1 đứng tên lúc nào bà không hay. Khoảng tháng 7/2022, ông Nguyễn Thiện N có đến phần đất này nói là ông N đã nhận chuyển nhượng lại từ ông C. Bà không biết ông C bà chỉ biết bà vay tiền của ông Q1. Sau khi nghe ông N nói vậy bà tìm ông Q1 nhưng không liên lạc được. Nay ông N yêu cầu ông C trả lại tiền, không yêu cầu đất bà đang quản lý nên bà không có ý kiến. Ông Nguyễn Thiện N khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N và ông C không có liên quan đến bà. Bà vay tiền của ông Thạch Q1 cũng chưa đến hạn trả. Đất thuộc thửa 504 tờ bản đồ số 19 bà vẫn đang quản lý sử dụng bà chưa từng biết ông C và ông Nghĩa l ai. Nếu Tòa án giải quyết buộc ông C trả tiền cho ông N cũng không liên quan đến bà. Sau này bà có yêu cầu bà sẽ khởi kiện ông Thạch Q1 thành vụ kiện khác. Bà yêu cầu vắng mặt trong những lần hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

Áp dụng Điều 423, 424, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 phí Tòa án. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 07/4/2022 giữa ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H liên quan phần đất thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thiện N số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ ông Nguyễn Thiện N để cấp lại cho ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, bị đơn ông Hồ Quốc C kháng cáo. Ngày 21 tháng 6 năm 2023 bị đơn bà Nguyễn Ngọc H kháng cáo. Ông C, bà H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là đúng quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp chứng cứ mới là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch Q1 và bà Nguyễn Ngọc H; hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H1 và ông Thạch Q1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q cung cấp chứng cứ mới là hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H1 và ông Thạch Q1. Bà Q có yêu cầu được chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những nội dung này là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308,

Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 07/4/2022 giữa ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H đối với phần đất thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông N yêu cầu ông C, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 600.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H, nhận thấy:

[2.1] Ngày 07/4/2022, ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 504, tờ bản đồ số 19, diện tích 269,7m^2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre với giá 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tuy nhiên hợp đồng chỉ ghi 100.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng, chứng thực đúng quy định về hình thức theo quy định của Luật đất đai và Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông N cho rằng ông đã thực hiện việc giao đủ số tiền 600.000.000 đồng (số tiền thực tế của hợp đồng chuyển nhượng cho ông C, bà H). Ông N có thỏa thuận cho ông C, bà H cho ông C, bà H lưu cư trên đất mỗi tháng phải trả ông 24.000.000 đồng. Từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng và văn bản thỏa thuận lưu cư thì ông C, bà H không thực hiện việc giao đất cũng như trả tiền lưu cư trên đất cho ông. Căn cứ vào văn bản thỏa thuận lưu cư (BL: 09) có thể hiện nội dung: *"Bên A (là ông C, bà H) đã nhận đủ của bên B (ông N) số tiền 600.000.000 đồng"*; văn bản được ký ngày 07/4/2022 và không có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, tại sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản cho ông C, bà H nhưng phía ông C, bà H đều vắng mặt không có lí do. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận được văn bản ý kiến của ông C, bà H về việc đã nhận đủ tiền hay không nên việc cấp

sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận cùng được ký ngày 07/4/2022 để xác định ông N đã giao đủ cho ông C, bà H số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về việc giao nhận đất: Theo bà Q trình bày thửa đất 504, tờ bản đồ 19 thuộc quyền sử dụng của bà, do bà có vay của ông Thạch Q1 nên bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn H1 có đến Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc H3 ký hợp đồng vay, bà và chồng bà không biết chữ, ký hợp đồng vay nhưng sau này mới biết đó là hợp đồng ủy quyền. Do không biết chữ vợ chồng bà đã ký ủy quyền ngày 30/11/2021 chứ thực tế là bà ký giấy vay tiền. Ông Q1 đã tự ý ký chuyển nhượng phần đất này cho ai đến nay ông N đứng tên quyền sử dụng, từ trước đến nay gia đình bà vẫn quản lý đất. Lời trình bày của bả Quen phù hợp với kết quả xác minh với ủy ban xã T*: "Trước ngày 07/04/2022 cho đến nay vợ chồng bà Q là người quản lý đất"*. Công an xã T cũng xác định: *"gia đình bà Q đã sống ổn định trên đất từ năm 2009 cho đến nay không thay đổi chủ hộ nào khác"*. Như vậy có căn cứ xác định ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H đã hoàn tất thụ tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 504, tờ bản đồ số 19 trên giấy tờ và giao nhận tiền xong, nhưng việc giao đất chưa thực hiện. Mặc khác tại Điều 1 văn bản thỏa thuận có nội dung: *"bên A (ông C và bà H) không trả phí lưu cư 02 tháng ... thì phải di dời đi nơi khác.."*, ông N đã liên hệ tại phần đất trên yêu cầu ông C và bà H di dời giao đất, nhưng thực tế ông C và bà H chưa từng quản lý đất, phần đất trên lại do gia đình bà Q quản lý sử dụng từ trước ngày 07/04/2022 cho đến nay. Việc chưa giải quyết hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sử dụng cũng như việc giao đất giữa các giao dịch dân sự từ khi bà Q đứng tên quyền sử dụng cho đến khi ông C đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng ông C và bà H lại thực hiện thủ tục ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên cho ông Nghĩa là không thể thực hiện được việc giao đất (do có đối tượng không thể thực hiện được là nhà của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q). Do việc giao đất không thể thực hiện được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 07/04/2022 giữa ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H đối với phần đất thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 423, 424 Bộ luật dân sự là có căn cứ. Ông N không yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu ông C và bà H liên đới trả lại cho ông số tiền đã nhận 600.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản bản sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Kháng cáo của ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân

huyện Châu Thành.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 423, 424, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 phí Tòa án. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 07/4/2022 giữa ông Nguyễn Thiện N và ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H liên quan phần đất thuộc thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thiện N số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 504, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ ông Nguyễn Thiện N để cấp lại cho ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ông Hồ Quốc C và bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3.2. Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Thiện N số tiền 14.419.000 (Mười bốn triệu bốn trăm mười chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006723 ngày 05 tháng 10 năm 2022 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006724 ngày 05 tháng 10 năm 2022.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền mỗi người đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003909 ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003901 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Hồ Quốc C, bà Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt